

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

1.1. Tên dự án: Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Gia Lai.

1.2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Gia Lai.

1.3. Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Gia Lai.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn 05 huyện: Chư Prông, Đak Đoa, Kông Chro, Krông Pa, Mang Yang thuộc tỉnh Gia Lai.

1.5. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu tổng quát

Giảm thiểu khí thải do mất rừng và suy thoái rừng thông qua giải quyết các nhân tố trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, khuyến khích đầu tư chiến lược, hiệu quả nhằm phục hồi và quản lý bền vững diện tích rừng; trao quyền và cải thiện khả năng thích ứng của các cộng đồng và thể chế mục tiêu nhằm cải thiện sinh kế, giảm nghèo trong cộng đồng và ứng phó tốt hơn với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ chính quyền địa phương các cấp đưa ra các chính sách thể chế hóa các chiến lược cấp quốc gia và cụ thể hóa vào công tác lập và thực hiện kế hoạch giảm thiểu phát thải từ mất rừng, suy thoái rừng và nỗ lực khôi phục rừng nhằm tạo cơ hội cải thiện sinh kế và nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Nghiên cứu chiến lược tác động và hỗ trợ đưa ra các chính sách nhằm giải quyết các khó khăn trong vấn đề sử dụng đất rừng để sản xuất.

- Hỗ trợ xây dựng và thúc đẩy chuỗi giá trị sản phẩm không gây mất rừng, nhằm đảm bảo thu nhập từ sản xuất nông nghiệp cho người dân vùng dự án, giảm áp lực mở rộng canh tác, nguyên nhân chính dẫn tới mất rừng và suy thoái rừng, đồng thời khuyến khích tái trồng rừng và nâng cao trữ lượng các-bon.

- Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng công phục vụ cho sản xuất, tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và các hoạt động bảo vệ rừng.

1.6. Quy mô đầu tư xây dựng:

* Nhóm dự án: Nhóm B

* Loại, cấp công trình: Công trình giao thông cấp IV

* Cấp kỹ thuật:

- Các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất: GTNT cấp B (TCVN10380:2014):

- + Vận tốc thiết kế: 20 Km/h
- + Nền đường thiết kế: $B_n = 5,0m$
- + Mặt đường thiết kế: $B_m = 3,5m$
- + Lê đường rộng: $B_l = 0,75m \times 2 = 1,5m$
- + Tần suất thiết kế nền đường, cống: 10%
- + Độ dốc dọc lớn nhất: $I = 13\%$ (Châm chước 20%)
- + Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất: $R = 15m$ (Châm chước 10m)
- + Tải trọng thiết kế nền mặt đường: Trục xe 2,5T
- + Tải trọng thiết kế cống, cầu bản: Tải trọng H30 - XB80
- + Tải trọng thiết kế cầu dầm BTCT DUL: HL - 93
- + Tần suất thiết kế cầu nhỏ: 4%
- + Tần suất thiết kế cầu trung: 1%
- + Tần suất thiết kế cầu tràn: 50%
- + Hệ thống an toàn giao thông bố trí theo QCVN 41:2024-BGTVT

- Các tuyến đường liên xã: Đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005):

- + Vận tốc thiết kế: 40 Km/h
- + Nền đường thiết kế: $B_n = 7,5m$
- + Mặt đường thiết kế: $B_m = 5,5m$
- + Lê đường rộng: $B_l = 1,0m \times 2 = 2,0m$
- + Tần suất thiết kế nền đường, cống: 4%
- + Tải trọng thiết kế nền mặt đường: Trục xe 10T
- + Tần suất thiết kế đường ngầm, đường tràn: 25%
- + Tải trọng thiết kế công trình: Tải trọng H30 - XB80
- + Hệ thống an toàn giao thông bố trí theo QCVN 41:2024-BGTVT

2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu 04: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán.
- Giá gói thầu: 7.706.000.000 đồng (giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT 10%)
- Nguồn vốn: Vốn đối ứng ngân sách tỉnh.
- Hình thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng).
- Phương thức LCNT: 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Tuyển chọn nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tuân theo Luật đấu thầu, để nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt và tuân thủ theo đúng quy định của Luật Xây dựng và các Luật khác có liên quan đến đầu tư, xây dựng.

II. Phạm vi công việc và Nhiệm vụ Tư vấn:

1. Phạm vi công việc

- Lập thiết kế bản vẽ thi công dự án: Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Gia Lai;

- Lập dự toán xây dựng công trình đảm bảo chất lượng và quy định hiện hành;

- Lập Chỉ dẫn về phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành, bảo vệ môi trường, quy định kỹ thuật bảo hành duy trì, ...

- Giám sát tác giả theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ tư vấn

- Lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đầu tư xây dựng theo quy định tại các khoản 23 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 79, 80 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. Nội dung Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nhiệm vụ thiết kế đã phê duyệt được đính kèm cùng E-HSMT.

- Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).

- Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Bố trí người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế các bộ môn.

- Trình chủ đầu tư hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình để tiến hành thẩm tra, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng, tiếp thu ý kiến thẩm tra, thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm tra, thẩm định; thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

- Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng (quy định tại Điều 79 của Luật xây dựng năm 2014)

- Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội tại khu vực xây dựng.

- Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế.

- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.

- Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng; tạo điều kiện cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em sử dụng công trình. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định liên quan.

- Nhà thầu thiết kế xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện.

4. Nội dung thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

Thiết kế các công trình trên tuyến:

a) Bình đồ:

- Đối với đoạn đã có mặt đường cũ tuyến cơ bản bám theo tim đường hiện hữu để tận dụng tối đa đường cũ. Với đoạn mở mới phương án tuyến cơ bản dựa theo tim đường đất hiện có và theo bản đồ quy hoạch đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khối lượng GPMB là ít nhất.

b) Trắc dọc:

Trắc dọc được thiết kế với tiêu chí đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của tuyến đường, đồng thời dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Kết hợp hài hoà giữa yếu tố đường cong nằm, đường cong đứng.

- Các điểm không chế: Cao độ tại các điểm đầu và điểm cuối, các vị trí cầu làm mới, công trình trên tuyến, đường cũ...

- Trắc dọc thiết kế theo chiều dày kết cấu áo đường đối với đoạn tận dụng nền đường cũ còn đối với đoạn cắt tuyến, mở mới giảm thiểu khối lượng đào đắp, cũng như đảm bảo việc điều phối khối lượng đào đắp là thích hợp nhất, đảm bảo thoát nước tốt.

- Đảm bảo ổn định nền đường trong thời kỳ khai thác và phù hợp với điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn khu vực Tây nguyên.

- Thuận lợi cho việc thi công cũng như đảm bảo tính êm thuận trong quá trình vận hành.

c) Nền đường:

- **Các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất:** Nền đường được thiết kế rộng 5,0m trên đoạn đường thẳng và 5,0m + W trong đoạn đường cong (W: độ mở rộng trong đường cong).

- **Các tuyến đường liên xã:** Nền đường được thiết kế rộng 7,5m trên đoạn đường thẳng và 5,0m + W trong đoạn đường cong (W: độ mở rộng trong đường cong).

- Nền đường sau khi hoàn thiện phải được lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

- Đối với nền đường đắp: Mái ta luy đắp thiết kế 1/1,5. Khi đắp trên mái dốc có độ dốc lớn hơn 20% cần tiến hành đào cấp, chiều rộng đào cấp tối đa 1m. Đối với

đoạn mở mới hoặc ngoài phạm vi nền đường cũ cần tiến hành đào bỏ lớp đất hữu cơ trước khi đắp nền đường.

- Đối với nền đào: Nền đường trong những đoạn đào taluy được thiết kế 1/1,0. Nền đường sau khi hoàn thiện được lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

d) Mặt đường:

- **Các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất:** Mặt đường được thiết kế rộng 3,5m trên đoạn đường thẳng và $B_m = 3,5 + W$ (cho các đoạn nằm trong phạm vi đường cong nằm (W: độ mở rộng trong đường cong), với dốc ngang 2 mái là 2%).

- **Các tuyến đường liên xã:** Mặt đường được thiết kế rộng 5,5m trên đoạn đường thẳng và $B_m = 3,5 + W$ (cho các đoạn nằm trong phạm vi đường cong nằm (W: độ mở rộng trong đường cong), với dốc ngang 2 mái là 2%).

- Tại các vị trí giao với đường dân sinh, vượt nổi phù hợp với quy mô đường giao. Tại các vị trí xây dựng cống dọc (ngang đường giao) phạm vi vượt nổi mặt đường đến mép các cống bản.

- Kết cấu mặt đường như sau:

+ **Kết cấu mặt đường bê tông xi măng làm mới hoàn toàn và xử lý mặt đường bê tông xi măng cũ hư hỏng (áp dụng cho các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất):** Bê tông xi măng đá 2x4 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; cấp phối đá dăm $D_{max} = 37,5$ mm dày 12cm lu lèn $K \geq 0,98$; đất nền lu lèn $K \geq 0,95$ lớp dày tối thiểu 30cm.

+ **Kết cấu mặt đường bê tông xi măng làm mới hoàn toàn và xử lý mặt đường bê tông xi măng cũ hư hỏng (áp dụng cho các tuyến đường liên xã):** Bê tông xi măng đá 2x4 mác 300 dày 22cm; lớp giấy dầu; cấp phối đá dăm $D_{max} = 37,5$ mm dày 15cm lu lèn $K \geq 0,98$; Đất đòi chọn lọc lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$ lớp dày 30cm hoặc xử lý khuôn đường từ $K \geq 0,95$ lên $K \geq 0,98$ lớp dày 30cm; đất nền hoặc đất đắp lu lèn $K \geq 0,95$.

e) Lề đường:

- **Các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất:** Thiết kế mỗi bên rộng 0,75m bằng đất cấp 3 lu lèn đạt $K \geq 0,95$. Độ dốc ngang thiết kế 4%. Các đoạn có gia cố rãnh và ốp mái taluy lề đường được gia cố hết bề rộng nền đường với kết cấu giống mặt đường chính.

- **Các tuyến đường liên xã:** Thiết kế mỗi bên rộng 1,0m bằng đất cấp 3 lu lèn đạt $K \geq 0,95$. Độ dốc ngang thiết kế 4%. Các đoạn có gia cố rãnh và ốp mái taluy lề đường được gia cố hết bề rộng nền đường với kết cấu giống mặt đường chính.

g) Cống thoát nước:

***Thoát nước dọc:**

- Rãnh dọc đào trần được thiết kế dạng rãnh hình thang KT(40+120)x40cm.

- Rãnh dọc gia cố: Đối với đoạn có dốc dọc lớn hoặc dẫn nước trên đoạn dài, khả năng dễ bị xói lở... Rãnh dọc được gia cố bằng tấm lát bê tông đúc sẵn dày 7cm. Tại cuối mỗi đoạn gia cố rãnh thiết kế chân khay bằng bê tông.

- Các tuyến đường liên xã qua khu vực đông dân cư được thiết kế bằng mương chữ nhật bê tông, bê tông cốt thép hoặc đá xây VXM mác 100 đầy đan bê tông cốt thép chịu lực.

- Tại các vị trí giao nhau với đường dân sinh, lối vào... thoát nước dọc được thiết kế bằng cống bản hoặc cống hộp bê tông cốt thép.

***Thoát nước ngang:**

- Công trình thoát nước ngang được thiết kế bằng cống hộp và cống tròn BTCT, chiều dài công phù hợp với bề rộng nền đường thiết kế.

- Các công cũ còn sử dụng tốt tận dụng, nạo vét và nối thêm để đảm bảo đủ chiều dài theo quy mô tuyến đường.

- Các công đặt tạm, hư hỏng, thiếu khẩu độ, không phù hợp... được trực bỏ và đặt mới bằng BTCT phù hợp với quy mô cấp đường và lưu vực công trình đi qua.

- Thiết kế bổ sung, đặt mới các vị trí trũng thấp chưa có công trình thoát nước.

h) Công, cầu bản liên hợp đường tràn bê tông xi măng:

- Chiều rộng đường tràn bê tông xi măng:

+ Đối với các tuyến đường thôn buôn, đường đi khu sản xuất: Bxe chạy = 6,0m

+ Đối với các tuyến đường liên xã: Bxe chạy = 7,5m

- Cống được thiết kế bằng cống hộp hoặc cống tròn BTCT, tải trọng H30-XB80.

- Cầu bản được thiết kế dạng cầu bản mô nhẹ với quy mô bán vĩnh cửu BTCT, tải trọng H30-XB80.

i) Công trình cầu bản:

- Cầu bản được thiết kế dạng cầu bản mô nhẹ bằng kết cấu BTCT, tải trọng H30-XB80.

- Bề rộng cầu : $B = (6 + 2 \times 0,25)m = 6,5m$

+ Phần xe chạy : $2 \times 3,0m = 6,0m$

+ Lan Can : $2 \times 0,25 = 0,5m$

k) Công trình cầu dầm BTCT DƯỠ:

- Công trình cầu thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng thiết kế HL-93, tần suất thiết kế 1%. Bề rộng cầu $B = (6 + 2 \times 0,5)m = 7,0m$; bề rộng phần xe chạy $2 \times 3,0m = 6,0m$; bề rộng lan can $2 \times 0,5m = 1,0m$.

- Kết cấu phần trên: Kết cấu nhịp dạng nhịp giản đơn, chiều dài nhịp sử dụng loại dầm 24m, chiều cao dầm 1,45m. Mặt cắt ngang cầu gồm 3 dầm BTCT DƯỠ căng sau 40Mpa.

- Kết cấu phần dưới: Mố và trụ cầu bằng BTCT, móng mố và trụ cầu dạng móng nông hoặc cọc khoan nhồi trên nền đá.

- Các kết cấu khác: Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép, khe co giãn và tay vịn lan can bằng thép.

- Vị trí cầu và thông số cơ bản các cầu như sau:

TT	Vị trí	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu (m)	Kết cấu móng mô, trụ cầu
1	Cầu trên đường ra khu sản xuất làng Krắc	Km0+100,32	2×24	61,35	Móng mô, trụ dạng móng nông đặt trên nền đá
2	Cầu trên đường ra khu sản xuất làng Kte Kchăng	Km0+057,92	2×24	61,35	Móng mô, trụ dạng móng cọc khoan nhồi đặt trên nền đá

l) Vuốt nối đường giao:

- Tại các vị trí tuyến giao với đường nhánh, lồi vào... được thiết kế vuốt nối êm thuận về các nhánh giao. Kết cấu đường giao phù hợp với hiện trạng đường giao.

m) An toàn giao thông:

- Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

5. Số lượng, quy cách hồ sơ giao nộp

- Số lượng sản phẩm giao nộp:

+ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: 06 bộ.

- Quy cách hồ sơ: Theo Nghị định số 175/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2024 và các quy định, quy phạm Nhà nước hiện hành bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bảng tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan (nếu có), dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình xây dựng.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện gói thầu là 30 ngày (kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực), thời gian trên không bao gồm: thời gian nghỉ lễ tết theo quy định; thời gian xem xét góp ý kiến của Chủ đầu tư; thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt của cơ quan chuyên môn và các trường hợp bất khả kháng.

- Thời gian thiết kế tính từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày hoàn thành, nghiệm thu bàn giao Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

- Trường hợp Nhà thầu không đủ sản phẩm giao nộp và không đáp ứng tiến độ bàn giao sản phẩm nêu trên sẽ được đánh giá không đảm bảo tiến độ. Chủ đầu tư có quyền lập biên bản và xác nhận số ngày chậm thực hiện công việc để làm cơ sở phạt chậm tiến độ (số tiền phạt 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ và không quá 12% giá trị hợp đồng). Nếu quá 3 lần bị lập biên bản hoặc số tiền phạt vượt quá 12% giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo điều 19.1 Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu tại Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng trong E-HSMT.

- Trường hợp Nhà thầu phụ hoặc Nhà thầu chính gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết và báo cho Chủ đầu tư, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được

thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét việc chấp thuận gia hạn hợp đồng việc kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng;

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải tổ chức bộ máy hoạt động phục vụ cho công tác Tư vấn. Bộ máy hoạt động này phải bao gồm các bộ phận nhân sự đầy đủ, tương ứng và đáp ứng các yêu cầu của dự án, toàn bộ thiết bị văn phòng, trang thiết bị quản lý và các trang thiết bị cho hoạt động Tư vấn.

Nhà thầu phải đệ trình một danh sách nhân sự đầy đủ nhất đáp ứng cho từng hạng mục công việc của gói thầu.

Nhà thầu phải bố trí nhân sự cụ thể theo dõi, bám sát và có trách nhiệm bảo vệ sản phẩm với tư vấn thẩm tra, tham gia cuộc họp, tham gia bảo vệ với đơn vị thẩm định.

Nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí phải phù hợp với chức năng và nhiệm vụ được giao (theo yêu cầu trong phần năng lực nhà thầu).

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình;

Giám sát và đánh giá thường xuyên, sát sao theo kế hoạch thực hiện; lên kế hoạch phối hợp giải quyết các nội dung công việc với các bên liên quan nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ.